|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI |  |
| TRƯỜNG THPT THƯỢNG CÁT |  |

# PHIẾU BÀI TẬP ONLINE MÔN SINH HỌC 11

**TUẦN 21 TỪ 1/2 ĐẾN 6/2**

# Chủ đề: Tuần hoàn máu

**Câu 1: Ở hệ tuần hoàn kín, máu được phân phối trong cơ thể như thế nào?**

A. máu điều hòa và phân phối nhanh đến các cơ quan

B. máu không được điều hòa và được phân phối nhanh đến các cơ quan

C. máu được điều hòa và được phân phối chậm đến các cơ quan

D. máu không được điều hòa và được phân phối chậm đến các cơ quan

**Câu 2: Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn hở là**

A. Tìm → Động mạch→ khoang cơ thể→ trao đổi chất với tế bào→ hỗn hợp máu - dịch mô→ tĩnh mạch→ tim

B. Tìm→ động mạch→ trao đổi chất với tế bào→ hỗn hợp máu→ dịch mô→ khoang cơ thể→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim→ động mạch→ hỗn hợp máu - dịch mô→ khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào→ tĩnh mạch→ tim

D. tim→ động mạch→ quang cơ thể→ hỗn hợp máu - dịch mô→ tĩnh mạch→ tim

**Câu 3: Trong hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực**

A. Cao, Tốc độ máu chảy nhanh

B. Thấp, tốc độ máu chảy chậm

C. Thấp, tốc độ máu chảy nhanh

D. Cao, tốc độ máu chạy chậm

**Câu 4: Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín là**

A. Tim → Động mạch→ tĩnh mạch→ mao mạch→ tim

B. Tim → động mạch→ mao mạch→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim → mao mạch→ động mạch→ tĩnh mạch→ tim

D. Tim → động mạch→ mao mạch→ động mạch→ tim

**Câu 5: Ở sâu bọ, hệ tuần hoàn hở thực hiện chức năng**

A . Vận chuyển chất dinh dưỡng

B. Vận chuyển các sản phẩm bài tiết

C. tham gia quá trình vận chuyển khí trong hô hấp

D. vận chuyển chất dinh dưỡng và các sản phẩm bài tiết

**Câu 6: Ở hô hấp trong, sự vận chuyển O2 và CO2 diễn ra như thế nào?**

A. Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện chị nhờ dịch mô

B. Sự vận chuyển CO2 từ cơ quan hô hấp nên tế bào và O2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện nhờ máu và dịch mô

C. Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp ( mang hoặc phổi) được thực hiện nhờ máu và dịch mô

D. Sự vận chuyển O2 từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO2 từ tế bào tới cơ quan hô hấp việc thực hiện chỉ nhờ máu

**Câu 7: Máu trao đổi chất với tế bào qua thành**

A. tĩnh mạch và mao mạch

B. mao mạch

C. động mạch và mao mạch

D. động mạch và tĩnh mạch

**Câu 8: trong các loài sau đây:**

(1)tôm          (2) cá        (3) ốc sên

(4) ếch        (5) trai        (6) bạch tuộc        (7) giun đốt

Hệ tuần hoàn hở có ở những động vật nào?

A. (1), (3) và (5)

B. (1), (2) và (3)

C. (2), (5) và (6)

D. (3), (5) và (6)

**Câu 9: Hệ tuần hoàn kép chỉ có ở**

A. lưỡng cư và bò sát

B. lưỡng cư, bò sát, chim và thú

C. mực ống, bạch tuộc, giun đốt và chân đầu

D. mực ống, bạch tuộc, giun đốt, chân đầu và cá

**Câu 10: Ở cá, đường đi của máu diễn ra theo trật tự**

A. Tâm thất → động mạch mang → mao mạch mang → động mạch lưng → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm nhĩ

B. Tâm nhĩ → động mạch mang → mao mạch mang → động mạch lưng → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm thất

C. Tâm thất → động mạch lưng → động mạch mang → mao mạch mang → mao mạch các cơ quan → tĩnh mạch → tâm nhĩ

D. Tâm thất → động mạch mang → mao mạch đến các cơ quan → động mạch lưng → mao mạch mang → tĩnh mạch → tâm nhĩ

**Câu 11: Nồng độ CO2 thở ra cao hơn so với hít vào vì một lượng CO2**

A. khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi đi ra khỏi phổi

B. được dồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể

C. còn lưu giữ trong phê nang

D. thải ra trong hô hấp tế bào của phổi

**Câu 12: Hệ tuần hoàn của đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn hở vì**

A. giữa mạch đi từ tim ( động mạch) và các mạch đến tim ( tĩnh mạch) không có mạch nối

B. tốc độ máu chảy chậm

C. máu chảy trong động mạch gâydưới áp lực lớn

D. còn tạo hỗn hợp máu - dịch mô

**Câu 13: Xét các đặc điểm sau:**

1. Máu được tim bơm vào động mạch và sau đó tràn vào khoang cơ thể

2. Máu được trộn lẫn với dịch mô tạo thành hỗn hợp máu - dịch mô

3. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình, tốc độ máu chảy nhanh

4. Máu tiếp xúc và trao đổi chất trực tiếp với các tế bào, sau đó trở về tim

5. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy chậm

Có bao nhiêu đặc điểm đúng với hệ tuần hoàn hở?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 14: Hệ tuần hoàn kín có ở những động vật nào?**

(1) Tôm      (2) mực ống          (3) ốc sên       ( 4) ếch

(5) trai        (6) bạch tuộc        (7) giun đốt

A. (1), (3) và (4)

B. (5), (6) và (7)

C. (2), (3) và (5)

D. (2), (4), (6) và (7)

**Câu 15: Điều không phải là ưu điểm của tuần hoàn kín so với tuần hoàn hở là**

A. Tim hoạt động ít tốn năng lượng

B. máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình

C. máu đến các cơ quan ngang nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất

D. tốc độ máu chảy nhanh, máu thì được xa

**Câu 16: Ở người trưởng thành, nhịp tim thường vào khoảng**

A. 95 lần/phút

B. 85 lần/phút

C. 75 lần/phút

D. 65 lần/phút

**Câu 17: Động mạch là những mạch máu**

A. Xuất phát từ tim, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và không tham gia điều hòa lượng máu đến các cơ quan.

B. Xuất phát từ tim, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và tham gia điều hòa lượng máu đến các cơ quan

C. Chảy về tim, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và không tham gia điều hòa lượng máu đến các cơ quan

D. Xuất phát từ tim, có chức năng đưa máu từ tim đến các cơ quan và thu hồi sản phẩm bài tiết của các cơ quan

**Câu 18: Trong hệ nhóm máu AOB của người có 4 nhóm máu A, máu B, máu O và máu AB. Máu nhóm AB có thể truyền cho người có nhóm máu nào sau đây?**

A. AB

B. A

C. B

D. O

**Câu 19: Mao mạch là những**

A. Mạch máu rất nhỏ, nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi thu hồi sản phẩm trao đổi chất giữa máu và tế bào

B. Mạch máu rất nhỏ, nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu và tế bào

C. Mạch máu nối liền động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu và tế bào

D. Điểm ranh giới phân biệt động mạch và tĩnh mạch, đồng thời là nơi tiến hành trao đổi chất giữa máu với tế bào

**Câu 20: Bệnh nhân bị hở van nhĩ thất (van nối giữa tâm nhĩ với tâm thất) sẽ dễ bị suy tim. Nguyên nhân chính là do:**

A. Khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ, làm cho lượng máu chảy vào động mạch vành giảm nên lượng máu nuôi tim giảm

B. Khi bị hở van tim thì sẽ dẫn tới làm tăng nhịp tim rút ngắn thời gian nghỉ của tim.

C. Khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ làm cho lượng máu cung cấp trực tiếp cho thành tâm thất giảm, nên tâm thất bị thiếu dinh dưỡng và oxi

D. Khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ ngăn cản tâm nhĩ nhận máu từ tĩnh mạch về phổi làm cho tim thiếu oxi để hoạt động

**Câu 21: Tĩnh mạch là những mạch máu từ**

A. Mao mạch về tim và có chức năng thu máu từ động mạch và đưa máu về tim

B. Động mạch về tim và có chức năng thu chất dinh dưỡng từ mao mạch đưa về tim

C. Mao mạch về tim và có chức năng thu chất dinh dưỡng từ mao mạch đưa về tim

D. Mao mạch về tim và có chức năng thu máu từ mao mạch đưa về tim

**Câu 22: Một người sống ở vùng núi cao và một người sống ở đồng bằng cùng thi đấu thể thao ở vùng đồng bằng. Khi nói về hoạt động của tim, phổi của người này khi đang thi đấu, phát biểu nào sau đây là đúng?**

A. Hoạt động của tim, phổi hai người này đều tăng mạnh

B. Hoạt động của tim, phổi của hai người đều giảm mạnh

C. Người sống ở vùng cao có nhịp tim và tần số hô hấp thấp hơn người sống ở vùng đồng bằng

D. Người sống ở vùng đồng bằng có nhịp tim và tần số hô hấp thấp hơn người sống ở vùng cao

**Câu 23: Ở người trưởng thành, mỗi chu kì tim kéo dài**

A. 0,1 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dãn chung là 0,5 giây

B. 0,8 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dãn chung là 0,4 giây

C. 0,12 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dãn chung là 0,6 giây

D. 0,6 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,2 giây, thời gian dãn chung là 0,6 giây

**Câu 24: Điều không đúng về sự khác nhau giữa hoạt động của cơ tim với cơ vân là**

A. Theo quy luật “tất cả hoặc không có gì”

B. Tự động

C. Theo chu kỳ

D. Cần năng lượng

**Câu 25: Cơ tim hoạt động theo quy luật “tất cả hoặc không có gì” có nghĩa là, khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng**

A. Cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa

B. Cơ tim co bóp nhẹ nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa

C. Cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co bóp bình thường

D. Cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ trên ngưỡng, cơ tim không co bóp

**Câu 26: Ở một người bình thường không bị bệnh về tim, hàm lượng oxi trong máu động mạch chủ là 19ml/ 100ml máu và trong tĩnh mạch chủ là 14ml/ 100ml máu. Trong 1 phút, người này tiêu thụ 250 ml oxi nếu nhịp tim 80 lần /phút thì năng suất tim ( thể tích máu tống đi trong 1 lần co tim) của người này là bao nhiêu?**

A. 16,4 ml

B. 75 ml

C. 62,5 ml

D. 22,3 ml

**Câu 27: Điều không đúng khi nói về đặc tính của huyết áp là:**

A. Huyết áp cực đại ứng với lúc tim co, huyết áp cực tiểu ứng với lúc tim dãn

B. Tim đập nhanh và mạch làm tăng huyết áp ; tim đập chậm, yếu làm huyết áp hạ

C. Càng xa tim, huyết áp càng giảm

D. Sự tăng dần huyết áp là do sự ma sát của máu với thành mạch và giữa các phần tử máu với nhau khi vận chuyển

**Câu 28: Khi nói về mối quan hệ giữa huyết áp, tiết diện mạch máu và vận tốc máu, phát biểu nào sau đây sai?**

A. Trong hệ thống động mạch, tổng tiết diện mạch tăng dần từ động mạch chủ đến tiểu động mạch nên vận tốc máu giảm

B. Mao mạch có tổng tiết diện mạch lớn nhất nên huyết áp thấp nhất

C. Trong hệ thống tĩnh mạch, tổng tiết diện mạch giảm dần từ tiểu tĩnh mạch đến tĩnh mạch chủ nên vận tốc máu tăng dần

D. Vận tốc máu phụ thuộc sự chênh lệch huyết áp và tổng tiết diện mạch máu

**Câu 29: Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo trật tự:**

A. Nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → bó His → mạng Puôckin → các tâm nhĩ, tâm thất co

B. Nút nhĩ thất → hai tâm nhĩ và nút xoang nhĩ → bó His → mạng Puôckin → các tâm nhĩ, tâm thất co

C. Nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → mạng Puôckin → bó His → các tâm nhĩ, tâm thất co

D. Nút xoang nhĩ → hai tâm nhĩ → nút nhĩ thất → bó His → mạng Puôckin → các tâm nhĩ, tâm thất co

**Câu 30: Huyết áp là lực co bóp của**

A. Tâm thất đẩy máu vào mạch tạo ra huyết áp của mạch

B. Tâm nhĩ đầy máu vào mạch tạo ra huyết áp của mạch

C. Tim đẩy máu vào mạch tạo ra huyết áp của mạch

D. Tim nhận máu từ tĩnh mạch tạo ra huyết áp của mạch